

Nghĩa Hưng, ngày 12 tháng 9 năm 2025

NỘI DUNG VÀ BIỂU MẪU CÔNG KHAI

Thực hiện Thông tư 09/TT/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 về Quy định công khai trong các hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường Mầm non Nghĩa Trung công khai hoạt động của nhà trường

1. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục:** Trường Mầm non Nghĩa Trung
- Địa chỉ trụ sở:** Thôn 9 - Nghĩa Trung, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình.
- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu:** Cơ sở giáo dục công lập - Xã Nghĩa Hưng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

* Sứ mệnh:

Sứ mệnh của Mầm non Nghĩa Trung là xây dựng môi trường học tập, rèn luyện “Hạnh phúc lấy trẻ làm trung tâm”. Trẻ em được: “Học tập sáng tạo- Rèn luyện chăm ngoan - Vui chơi lành mạnh”. Phát triển theo phương châm “Học bằng chơi, chơi mà học” để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh, lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những người công dân tốt.

* Tầm nhìn

Trường Mầm non Nghĩa Trung xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; là nơi cha mẹ trẻ luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến. Hệ thống trường lớp đạt chuẩn Quốc gia mức độ I bền vững về chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất cũng như kỹ năng sống của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trẻ không ngừng phát triển các mối quan hệ tự nhiên và xã hội xung quanh mình, từ đó kích thích sự tò mò, ham thích khám phá, mong muốn tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ, điều này giúp trẻ tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, có khả năng tư duy sáng tạo, phát triển về kiến thức, nhân cách một cách toàn diện.

*** Mục tiêu**

- Trẻ phát huy tính tự lập và tự học;
- Trẻ tự tin thể hiện cá tính và năng lực của bản thân;
- Trẻ hình thành tính tự kỉ luật cho bản thân;
- Trẻ biết cách tôn trọng bản thân, môi trường và những người xung quanh;
- Trẻ phát triển khả năng làm việc nhóm, biết cách hợp tác, chia sẻ cùng hướng tới thành công.;
- Trẻ học được cách nuôi dưỡng các mối quan hệ và thúc đẩy tình yêu thương, sự tin tưởng lẫn nhau.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường mầm non xã Nghĩa Trung trước kia là Nhà trẻ ở các thôn xóm. Năm 2000 trường được thành lập và lấy tên là Trường mầm non xã Nghĩa Trung. Trường là một trong những cơ sở giáo dục trọng điểm của xã Nghĩa Trung, một xã nằm ở trung tâm huyện Nghĩa Hưng, cách trung tâm tỉnh 25 km, là xã đạt chuẩn nông thôn nâng cao, đời sống nhân dân từng bước cải thiện, tạo đà cho cấp học mầm non xã nhà ngày một phát triển.

Trải qua hơn 20 năm phấn đấu, xây dựng và trưởng thành, cơ sở vật chất và chất lượng chăm sóc giáo dục của nhà trường ngày càng lớn mạnh, là một đơn vị trường luôn nằm trong tốp dẫn đầu của giáo dục mầm non xã Nghĩa Hưng; Năm học 2004-2005 trường được công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2002-2005; Tháng 02 năm 2023 trường đón đoàn kiểm tra công nhận lại trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ I; đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường mầm non xanh - sạch - đẹp - an toàn.

Trong các năm học nhà trường luôn thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua do cấp trên và ngành phát động. Chú trọng đổi mới phương pháp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ, nâng cao chất lượng chăm sóc Giáo dục toàn diện trẻ ở trường Mầm non, đạt được mục tiêu Giáo dục theo quy định; bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giáo viên có đủ các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn, đáp ứng các yêu cầu vị trí việc làm được phân công. Tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi đạt chuẩn. Xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp, an toàn cho trẻ vui chơi, học tập và trải nghiệm, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay là lấy trẻ làm trung tâm, duy trì giữ vững các tiêu chí trường đạt chuẩn Quốc gia

Nhà trường không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ đáp ứng các tiêu chí về chất lượng giáo dục toàn diện và không ngừng đổi mới phương pháp giáo dục để phát huy khả năng tư duy sáng tạo của trẻ. Luôn giữ vững, là một trong năm đơn vị đứng đầu ngành học mầm non trong xã Nghĩa Hưng; được tặng cờ thi đua của UBND tỉnh, Bằng khen của UBND tỉnh .

6. Thông tin người đại diện

Họ và tên: Vũ Thị Luyện

Chức vụ: Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Nghĩa Trung

Số điện thoại: 09797733859

Địa chỉ gmail: mammonnghiatrung@gmail.com

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của Trường Mầm non Nghĩa Trung năm 2025

a. Các khoản thu

- Ngân sách nhà nước: 4.996.000.000đ

b. Các khoản chi thường xuyên

- Tiền lương của CBGVNV (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho CBQL, GV, NV) 42 người.

- Số tiền: 6.828.852.700 đ/1 năm

- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua khen thưởng): không có

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học bao gồm: Học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo

- Học phí: Năm học 2025-2026 (nhà nước miễn)

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Kinh phí cấp bù năm học 2024 - 2025: 140.380.000đ

Hỗ trợ tiền ăn trưa năm học 2024 - 2025: 4.480.000đ

Hỗ trợ tiền chi phí học tập năm học 2024 - 2025: 135.900.000đ

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

III. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng CBQL, giáo viên và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

STT	Nội dung	Tổng	Trình độ đào tạo	Hạng chức danh
-----	----------	------	------------------	----------------

	số						nghề nghiệp			
		TS	ThS	DH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II
Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	42			25	17	0	0	0	35	6
I Cán bộ quản lý	3			3					2	1
1 Hiệu trưởng	1			1						1
2 Phó hiệu trưởng	2			2					2	
II Giáo viên	38			22	16			0	20	5
1 Nhà trẻ	8			4	4			0	7	1
2 Mẫu giáo	30			18	12				26	4
III Nhân viên										
Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	1				1				1	0
1 Văn thư									0	0
2 Kế toán	1				1				1	0
3 Thủ quỹ	0			0					0	0
4 Thư viện				0					0	0
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	10									
1 Y tế										
2 Nhân viên Bảo vệ	1									
3 Nhân viên Phục vụ	1									
4 Nhân viên Nấu ăn	8					2				

b) Số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp			
			Tốt	Khá	TB	Kém
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	41	40	1		
I	Cán bộ quản lý	3	3			
1	Hiệu trưởng	1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2	2			
II	Giáo viên	38	39	1		
1	Nhà trẻ	8	8	0		
2	Mẫu giáo	30	29	1		
	Tổng cộng	41	40	1		

c) Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV hoàn thành BDTX hàng năm

STT	Nội dung	Tổng số	Bồi dưỡng thường xuyên	
			Hoàn thành	Không hoàn thành
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	41	41	
I	Cán bộ quản lý	3	3	
1	Hiệu trưởng	1	1	
2	Phó hiệu trưởng	2	2	
II	Giáo viên	38	38	
1	Nhà trẻ	8	8	
2	Mẫu giáo	20	20	
Tổng cộng		41	41	
Tỷ lệ %		100	100	

2. Thông tin về cơ sở vật chất

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích xây dựng trường 9.825m².

- Diện tích bình quân tối thiểu cho 01 trẻ em 18,3m²/trẻ

Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ của trường	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (theo 2a Điều 5, chương II Thông tư 13)	So sánh đối chiếu với yêu cầu tối thiểu quy định
18,3m ² /trẻ	12m ² /trẻ	Đạt

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Tên phòng	Hiện trạng	Yêu cầu tối thiểu	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
I	Khối phòng hành chính, quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	25 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	12-15m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
2	Phòng Phó Hiệu	20 m ² , đầy đủ máy	10-12m ² , đầy đủ	Đạt

	trường	móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	
3	Văn phòng trường	30 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	30m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
4	Phòng cho nhân viên	7m ² , có bàn ghế, tủ để đồ cá nhân	16m ² , có giường tầng, tủ để đồ cá nhân	Chưa đạt
5	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	126m ²	Có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên	Đạt
II	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em			
1.1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	65m ² /Phòng		
	Diện tích hiện chơi (m ²)	0,50m ² /trẻ em	0,50m ²	Đạt
	Kho nhóm, lớp	10 m ²	6m ²	Đạt
2	Sân chơi riêng	1625m ² = 3,03m ² /trẻ	1m ² /trẻ nhà trẻ 2m ² /trẻ MG	Đạt
III	Khối phòng tổ chức ăn			
1	Nhà bếp	120m ² =0,31m ² /trẻ	0,3m ² /trẻ	Đạt
	Kho thực phẩm	14m ²	10-12m ² /kho	Đạt
IV	Khối phụ trợ			

3. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

3.1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2025 - 2026:

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ		Mẫu giáo		
			18-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em						

1	Số trẻ em nhóm ghép						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0					
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	493	12	68	104	155	154
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	2					2
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	493	12	68	104	155	154
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	493	12	68	104	155	154
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	493	12	68	104	155	154
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em						
1	Số trẻ cân nặng bình thường	486	12	68	102	151	153
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm nhẹ cân	7	0	0	2	4	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	483	12	68	98	152	153
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	10	0	0	6	3	1
5	Số trẻ thừa cân béo phì						
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	493	12	68	104	155	154
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	80	12	68			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	413			104	155	154

Nơi nhận:

BGH (để triển khai);

Các tổ CM (để thực hiện);

Lưu: CM, VT.

HIỆU TRƯỞNG**Vũ Thị Luyện**